

Số: 11 /KH-THCSĐT

Đại Thắng, ngày 29 tháng 8 năm 2022

## **KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG** **Năm học 2022 – 2023**

### **1. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

Căn cứ Quyết định số 16/2006/QĐ-BG ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông năm 2006;

Căn cứ Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 (gọi tắt CTGDPT 2018);

Căn cứ Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 22/2021/TT-BGD ngày 20 tháng 7 năm 2021 quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư 22/2021/TT-BGD ngày ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông;

Căn cứ Công văn số 5512/BGDĐT- GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường ;

Căn cứ Quyết định số 2650/QĐ-UBND/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2022 của UBND thành phố Hải Phòng về việc “Ban hành kế hoạch thời gian năm học 2022- 2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thành phố Hải Phòng”;

Căn cứ Công văn số 2577/SGDĐT-TrH ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Sở GD&ĐT Hải Phòng về việc triển khai chương trình giáo dục trung học năm học 2022 – 2023;

Căn cứ Công văn số 303/GDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2022 của phòng GD&ĐT Tiên Lãng về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022 – 2023;

Căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị, trường THCS Đại Thắng xây dựng Kế hoạch giáo dục và chỉ đạo chuyên môn năm học 2022 – 2023 như sau:

### **2. BỐI CẢNH GIÁO DỤC CỦA QUỐC GIA, ĐỊA PHƯƠNG VÀ NHÀ TRƯỜNG**

#### **2.1. Bối cảnh bên ngoài**

##### *2.1.1. Thời cơ*

Đảng và Nhà nước nhận thức rõ sự tất yếu, cần thiết và quyết tâm trong việc đổi mới giáo dục.

Hệ thống văn bản chỉ đạo toàn diện từ Trung ương đến địa phương;

Chương trình giáo dục phổ thông được xây dựng trên cơ sở quan điểm của Đảng, Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; kế thừa và phát triển những ưu điểm của các chương trình giáo dục phổ thông đã có của Việt Nam, đồng thời tiếp thu thành tựu nghiên cứu về khoa học giáo dục và kinh nghiệm xây dựng chương trình theo mô hình phát triển năng lực của những nền giáo dục tiên tiến trên thế giới; gắn với nhu cầu phát triển của đất nước, những tiến bộ của thời đại về khoa học - công nghệ và xã hội; phù hợp với đặc điểm con người, văn hoá Việt Nam, các giá trị truyền thống của dân tộc.

Được sự quan tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền đoàn thể địa phương. Sự cộng tác nhiệt tình của Ban đại diện CMHS trường trong công tác vận động hỗ trợ công tác giáo dục của nhà trường.

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông làm biến đổi suy nghĩ của phần lớn cha mẹ học sinh, nhận thức về việc học tập của nhân dân ngày càng được nâng lên, tạo điều kiện thuận lợi để nhà trường duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục.

### *2.1.2. Thách thức*

Nhu cầu xã hội đòi hỏi chất lượng giáo dục ngày càng cao trong thời kì hội nhập.

Điều kiện kinh tế của nhân dân còn khó khăn, nhiều em phải lao động giúp gia đình nên ít có thời gian học tập.

Đời sống của một bộ phận nhân dân còn rất khó khăn, chủ yếu làm nông nghiệp và công nhân trong các khu công nghiệp nên rất ít thời gian quan tâm đến việc học hành của con em mình.

Tâm lý lo lắng của phụ huynh học sinh khi triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Đội ngũ giáo viên được đào tạo, giảng dạy theo hướng “trang bị kiến thức cho học sinh” nay chuyển sang dạy học theo định hướng “Phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh”; giáo viên kiêm nhiệm công việc, một số giáo viên gặp khó khăn đổi mới phương pháp dạy học.

Tình hình dịch bệnh Covid-19 tuy đã được kiểm soát nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ xuất trở lại với những biến chủng mới, ảnh hưởng đến công tác giáo dục.

## **2.2. Bối cảnh bên trong**

### *2.2.1. Điểm mạnh của nhà trường*

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện; sự chỉ đạo sát sao của Phòng GD&ĐT về thực hiện nhiệm vụ năm học; chính quyền địa phương quan tâm đến công tác giáo dục.

Đội ngũ trình độ 100% đạt chuẩn và trên chuẩn. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên: Nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường và mong muốn nhà trường phát triển; năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm của đa số giáo viên đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

Cán bộ quản lý: có phẩm chất đạo đức tốt; có năng lực, kinh nghiệm và nhiệt tình trong công tác; có khả năng lập kế hoạch, xây dựng các giải pháp thực hiện phù hợp thực tiễn nhà trường; tích cực cập nhật các thông tin phục vụ yêu cầu công tác.

### 2.2.2. Điểm yếu

#### a. Nguồn nhân lực

##### + Đội ngũ:

- Phần lớn giáo viên công tác còn xa nhà, thu nhập kinh tế gia đình còn thấp;
- Việc tự học, tự bồi dưỡng, sử dụng công nghệ thông tin còn hạn chế;
- Chưa có điều kiện đào tạo lại chất lượng đội ngũ đáp ứng chương trình 2018. Không có nhân viên thiết bị thí nghiệm.
- Còn 01 giáo viên chưa đạt trình độ chuẩn theo qui định.

##### + Học sinh:

- Phụ huynh học sinh cấp THCS bố mẹ còn trẻ đi làm ăn xa nhà, làm ăn theo khu công nghiệp (từ sáng đến đêm khuya) không có điều kiện quan tâm đến con em họ.
- Học sinh ở độ tuổi vị thành niên phần lớn chưa ý thức học tập, ham chơi đặc biệt zalo, facebook, điện tử, yêu đương khó kiểm soát.

#### b. Cơ sở vật chất

- Phòng học xây dựng từ năm 1996 và khu phòng chức năng đã xuống cấp.
- Thiết bị dạy học các môn hết hạn sử dụng
- Hệ thống sân chơi bãi tập học sinh chưa được quy hoạch gọn gàng.

#### c. Tài chính

- Tài chính nhà trường còn rất hạn hẹp, không đủ điều kiện để tu sửa CSVN, tham quan trải nghiệm cơ bản phải dựa vào sức dân;
- Khu dân cư cơ bản lao động nông nghiệp, lao động thời vụ do vậy kinh tế địa phương còn rất thấp.

### 2.3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục toàn diện, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời kỳ hội nhập. Là một trong những trường THCS có chất lượng giảng dạy trong huyện.

Đào tạo thế hệ học sinh có truyền thống tự hào là học sinh trường THCS Đại Thắng, là những công dân có ích cho gia đình và xã hội, là những con người mới XHCN, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực làm chủ cuộc sống, phát triển đầy đủ về thể lực và trí lực để sống làm việc và hội nhập toàn cầu.

Tích cực vận dụng nguồn lực xã hội hóa trong giáo dục để phối hợp tốt trong giáo dục nâng cao cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

#### 2.3.1. Quy mô

##### a) Cơ sở vật chất năm học 2022 – 2023

- Tổng diện tích đất: 11400 m<sup>2</sup>. Bình quân 29,6m<sup>2</sup>/1HS.
- Số phòng học: 10 phòng
- Số phòng học bộ môn: 08 phòng

- Số phòng chức năng: 04 phòng

- Phòng hiệu bộ: 3 phòng

b) Số lớp, số học sinh năm học 2022 – 2023

Khối	Số lớp, số học sinh				
	Số lớp	Học sinh			
		Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc
6	2	94	41	2	0
7	3	95	49	3	1
8	3	111	50	2	2
9	2	85	52	0	0
<b>Tổng</b>	<b>10</b>	<b>385</b>	<b>192</b>	<b>7</b>	<b>3</b>

c) Cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Tổng số CBCNV : 23, nữ: 15

Trong đó:

Ban giám hiệu: 02, nữ 0; trình độ thạc sĩ 02 người

Giáo viên: 18, nữ 13; trình độ đại học 17 người, cao đẳng 01 người;

Nhân viên: 03, nữ 02; trình độ đại học 01 người, trung cấp 01 người; chưa qua đào tạo 01 người (Bảo vệ).

- Thống kê theo chuyên môn đào tạo:

STT	Họ và tên	Toán	Lý	Hóa	Sinh	CN	TD	Văn	Sử	Địa	CD	TA	AN	MT	Tin	TC	GV CN	TPT	Tổng
1	Luu Văn Nam																		0
2	Trần Văn Thính																		0
3	Phạm Thị Hằng							0.7			0.3								1
4	Trần Thị Thu Thủy	0.7		0.3															1
5	Khắc Hương Giang												0.5					0.5	0.5
6	Vũ Thị Hằng					1													1
7	Hoàng Thị Thiết				1														1
8	Hoàng Thị Thanh Thủy							0.7		0.3									1
9	Nguyễn Văn Công						1												1
10	Vương Thị Phương Lan								0.7		0.3								1
11	Phạm Thị Hạnh	0.7	0.3																1
12	Phạm Việt Lan							0.7		0.3									1
13	Nguyễn Thị Hợp													1					1
14	Phạm Kim Cương	1																	1
15	Trần Văn Ninh	0.7		0.3															1
16	Vũ Văn Toàn											1							1

STT	Họ và tên	Toán	Lý	Hóa	Sinh	CN	TD	Văn	Sử	Địa	CD	TA	AN	MT	Tin	TC	GV CN	TPT	Tổng
17	Chu Thị Bình							0.7		0.3									1
18	Đào Thị Tuyết Nhung	1																	1
19	Nguyễn Thị Nhàn											1							1
20	Nguyễn Trần Minh														1				1
	<b>Hiện có</b>	<b>4.1</b>	<b>0.3</b>	<b>0.6</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>2.8</b>	<b>0.7</b>	<b>0.9</b>	<b>0.6</b>	<b>2</b>	<b>0.5</b>	<b>1</b>	<b>1</b>			<b>0.5</b>	<b>18.0</b>
	<b>Định mức</b>	<b>2.4</b>	<b>0.5</b>	<b>1.1</b>	<b>1.1</b>	<b>1.1</b>	<b>1.1</b>	<b>2.4</b>	<b>1.1</b>	<b>1.1</b>	<b>0.5</b>	<b>1.6</b>	<b>0.5</b>	<b>0.5</b>	<b>0.5</b>	<b>1.1</b>	<b>2.1</b>	<b>0.5</b>	<b>19.0</b>
	<b>Thừa - thiếu</b>	<b>1.7</b>	<b>-0.2</b>	<b>-0.5</b>	<b>-0.1</b>	<b>-0.1</b>	<b>-0.1</b>	<b>0.4</b>	<b>-0.4</b>	<b>-0.2</b>	<b>0.1</b>	<b>0.4</b>	<b>0.0</b>	<b>0.5</b>	<b>0.5</b>	<b>-1.1</b>	<b>-2.1</b>	<b>0.0</b>	<b>-1.0</b>

### 2.3.2. Định hướng thực hiện chương trình

#### a) Khối 6 và khối 7 (05 lớp)

Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 (Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018).

Sáng dạy học 6 buổi/tuần; chiều dạy bồi dưỡng 3 buổi/tuần các môn Toán, Ngữ văn và tiếng Anh. **Môn Giáo dục địa phương bố trí dạy theo chủ đề vào buổi chiều.**

Không tổ chức dạy học tự chọn đối với học sinh lớp 6 do không có giáo viên dạy tiếng dân tộc và ngoại ngữ 2.

Tổ chức ôn học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu tối thiểu 1 buổi chiều mỗi tuần.

#### b) Khối 8 và khối 9 (05 lớp)

Thực hiện CTGDPT chương trình giáo dục phổ thông hiện hành (theo Quyết định 16/2006; Công văn 3280 của BGD&ĐT)

Buổi sáng dạy chính khóa 6 buổi/tuần

Buổi chiều dạy bồi dưỡng các môn Toán, Ngữ văn và tiếng Anh mỗi lớp 3 buổi/tuần. Riêng lớp 9 dạy 4 buổi/tuần.

Tổ chức ôn học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu tối thiểu 1 buổi chiều mỗi tuần.

Việc dạy học tự chọn:

Đối với lớp 9 thực hiện dạy 2 tiết tự chọn/tuần, dạy chủ đề bám sát. Cụ thể:

Lớp	Chủ đề - số tiết
9A	Tiếng Anh – 1 tiết/tuần Toán – 1 tiết/tuần
9B	Toán – 2 tiết/tuần

Đối với lớp 8 thực hiện dạy tự chọn là dạy nghề phổ thông với môn Nghề vi sinh dinh dưỡng. Tổng số tiết dạy 70 tiết/năm. Dạy vào các buổi sáng, mỗi tuần dạy 2 tiết. Tài liệu dạy nghề là tài liệu do Sở GD&ĐT Hải Phòng ban hành từ các năm học trước.

### 2.3.3. Định hướng hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

#### a) Đối với khối 8 và 9

Mỗi tuần thực hiện 01 tiết chào cờ đầu tuần (tiết 1 sáng thứ 2 hàng tuần) và 01 tiết hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo các chủ đề của từng tháng, có tích hợp nội dung giáo dục an toàn giao thông, phòng chống ma túy, HIV/AIDS, phòng chống bạo lực học đường. Tổng số là 70 tiết/năm. Riêng đối với lớp 9 mỗi tháng còn có 1 tiết giáo dục hướng nghiệp, do giáo viên chủ nhiệm thực hiện.

Các chủ đề của từng tháng:

Tháng	Chủ đề	Nội dung
9	Truyền thống nhà trường	Thảo luận nội quy và nhiệm vụ năm học mới. Thảo luận về nhiệm vụ của học sinh lớp 9 * Hoạt động thực tế: - Khai giảng năm học mới

Tháng	Chủ đề	Nội dung
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại hội chi đội điểm, ĐHCD đại trà</li> <li>- Đại hội liên đội</li> <li>- Sinh hoạt Liên đội dưới cờ: Tổ chức Vui tết Trung Thu.</li> <li>- Tuyên truyền tác hại của thuốc lá</li> </ul>
10	Chăm ngoan học giỏi	Thi tìm hiểu Thư Bác Hồ (năm 1945 và năm 1968). Lễ đăng ký thi đua học tốt * Hoạt động thực tế: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức hoạt động chào mừng ngày PNVN 20/10</li> <li>- SH Liên đội dưới cờ: Tuyên truyền ATGT, mừng ngày PNVN 20/10</li> </ul>
11	Tôn sư trọng đạo	Lễ đăng kí “Tuần học tốt, tháng học tốt”. Lễ kỉ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam chức 20/11 *HĐTT: <ul style="list-style-type: none"> <li>- SH Liên đội dưới cờ: Tổ chức hoạt động chào mừng ngày 20/11</li> </ul>
12	Uống nước nhớ nguồn	Tìm hiểu về truyền thống quê hương Đại Thắng và quân đội anh hùng Tìm hiểu về những người con anh hùng của quê hương đất nước. * Hoạt động thực tế: <ul style="list-style-type: none"> <li>- SH Liên đội dưới cờ: Truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam.</li> <li>- Viếng nghĩa trang liệt sĩ, nói chuyện truyền thống ngày quốc phòng toàn dân</li> <li>- Tổ chức Hội khỏe Phù Đổng</li> </ul>
1 + 2	Mừng Đảng - Mừng Xuân	Tìm hiểu về truyền thống vẻ vang của Đảng. Sinh hoạt văn nghệ mừng Đảng, mừng Xuân. Truyền thống cách mạng và những nét đổi thay của quê hương * Hoạt động thực tế: <ul style="list-style-type: none"> <li>- SH Liên đội dưới cờ: Tổ chức hoạt động kỷ niệm ngày truyền thống HSSV 9/1, ngày thành lập Đảng 3/2;</li> <li>- Phát động phong trào: “Nuôi lợn siêu trọng”.</li> <li>- Tham gia hội thi sơn ca cấp huyện (Dự kiến)</li> </ul>
3	Tiến bước lên Đoàn	Tổ chức văn nghệ chào mừng ngày thành lập Đoàn * Hoạt động thực tế: <ul style="list-style-type: none"> <li>- SH Liên đội dưới cờ: Chào mừng tháng thanh niên</li> <li>- Tổ chức thi khéo tay chào mừng ngày 8/3</li> <li>- Trưởng thành Đội K9, học cảm tình Đoàn, kết nạp đoàn đợt 1</li> </ul>
4	Hòa bình và hữu nghị	Tìm hiểu về cuộc sống của thiếu nhi các nước. Hội vui học tập Sinh hoạt văn nghệ mừng ngày 30/4 * Hoạt động thực tế:



Tháng	Chủ đề	Nội dung
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- SH Liên đội dưới cờ: truyền thống vẻ vang của lịch sử dân tộc. Tuyên truyền phòng chống dịch bệnh mùa hè.</li> <li>- Tổ chức lễ trưởng thành đội viên đối với học sinh khối 9. Tư vấn thi vào lớp 10 THPT cho hs khối 9</li> </ul>
5	Bác Hồ kính yêu	<p>Tìm hiểu những lời Bác Hồ dạy thiếu nhi. Sinh hoạt văn nghệ mừng ngày 19/5</p> <p>* Hoạt động thực tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lễ tổng kết năm học. Lễ ra trường cho HS lớp. Liên hoan CNBH</li> <li>- Tổ chức học tập, tham quan thực tế di tích lịch sử của quê hương, đất nước.</li> </ul>

b) Đối với khối 6 và khối 7 (Thực hiện CTGDPT 2018)

STT	Chủ đề	Số tiết	Địa điểm
1	Chủ đề 1: Em với nhà trường	12	Sân trường, lồng ghép với Lễ khai giảng Lớp học
2	Chủ đề 2: Khám phá bản thân	12	Sân trường và lớp học
3	Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân	12	Sân trường và lớp học (Đánh giá giữa học kỳ I)
4	Chủ đề 4: Rèn luyện bản thân	12	Sân trường và lớp học (Đánh giá cuối học kỳ I)
5	Chủ đề 5: Em với gia đình	12	Sân trường và lớp học
6	Chủ đề 6: Em với cộng đồng	9	Sân trường và lớp học
7	Chủ đề 7: Em với thiên nhiên và môi trường	12	Sân trường, lồng ghép với chuyên đề Đội (Đánh giá giữa học kỳ II) Lớp học
8	Chủ đề 8: Khám phá thế giới nghề nghiệp	9	Lớp học Đánh giá cuối học kỳ II
9	Chủ đề 9: Hiểu bản thân- chọn đúng nghề	9	Trải nghiệm thực tế

#### 2.3.4. Định hướng thực hiện nội dung giáo dục địa phương

a) Khối 6 và khối 7: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương (Thông tư 32/2018).

+ **Khối 6**

STT	Bài học/chủ đề	Số tiết	Thời điểm	Địa điểm dạy học	Giáo viên giảng dạy
1	Chủ đề 1. Vùng đất Hải Phòng từ thời Nguyên Thủy đến thế kỉ X	04	Tuần 4	Lớp học	Vương Thị Phương Lan
2	Chủ đề 2. Nữ Tướng Lê Chân và Đức Vương Ngô Quyền	04	Tuần 8	Lớp học	Vương Thị Phương Lan
3	Kiểm tra giữa học kì I	01	Tuần 9	Lớp học	Vương Thị Phương Lan
4	Chủ đề 3. Truyện cổ dân gian Hải Phòng	04	Tuần 13	Lớp học	Chu Thị Bình
5	Chủ đề 4. Bản đồ hành chính và các đơn vị hành chính thành phố Hải Phòng	03	Tuần 16	Lớp học	Chu Thị Bình
6	Kiểm tra cuối học kỳ I	01	Tuần 17	Lớp học	Chu Thị Bình
7	Chủ đề 5. Địa lí tự nhiên Hải phòng	04	Tuần 22	Lớp học	Chu Thị Bình
8	Chủ đề 6. Biển đảo quê hương	04	Tuần 26	Lớp học	Chu Thị Bình
9	Kiểm tra giữa học kì II	01	Tuần 27	Lớp học	Chu Thị Bình
10	Chủ đề 7. Nghề truyền thống ở Hải Phòng	04	Tuần 31	Lớp học	Phạm Thị Hằng
11	Chủ đề 8. Một số truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ ở hải Phòng	03	Tuần 34	Lớp học	Phạm Thị Hằng
12	Kiểm tra cuối học kì II	01	Tuần 35	Lớp học	Phạm Thị Hằng

**+ Khối 7**

STT	Bài học/chủ đề	Số tiết	Thời điểm	Địa điểm dạy học	Giáo viên giảng dạy
1	Chủ đề 1. Vùng đất Hải Phòng từ năm 938 đến năm 1427	04	Tuần 3	Lớp học	Vương Thị Phương Lan
2	Chủ đề 2. Vùng đất Hải Phòng thời Lê sơ từ năm 1428 đến 1527	04	Tuần 7	Lớp học	Vương Thị Phương Lan
3	Kiểm tra giữa kỳ I	01	Tuần 9	Lớp học	Vương Thị Phương Lan
4	Chủ đề 3. Tục ngữ, ca dao Hải Phòng	04	Tuần 12	Lớp học	Phạm Việt Lan
5	Chủ đề 4. Bảo tồn di sản văn hóa Hải Phòng	04	Tuần 16	Lớp học	Phạm Việt Lan
6	Kiểm tra cuối kỳ I	01	Tuần 18	Lớp học	Phạm Việt Lan
7	Chủ đề 5. Nghệ thuật hát Đúm huyện Thủy Nguyên	04	Tuần 21	Lớp học	Khắc Hương Giang
8	Chủ đề 6. Lễ hội chọi trâu Đồ Sơn	04	Tuần 25	Lớp học	Phạm Việt Lan

9	Kiểm tra giữa kỳ II	01	Tuần 27	Lớp học	Phạm Việt Lan
10	Chủ đề 7. Đặc sản ẩm thực Hải Phòng	03	Tuần 30	Lớp học	Khắc Hương Giang
11	Chủ đề 8. Du lịch Hải Phòng	04	Tuần 33	Lớp học	Phạm Việt Lan
12	Kiểm tra cuối kỳ II	01	Tuần 35	Lớp học	Phạm Việt Lan

a) Khối 8 và khối 9: Thực hiện theo CTGDPT hiện hành (Quyết định 16/2006). Các nội dung giáo dục địa phương được tích hợp trong các môn học.

### **2.3.5. Định hướng đánh giá học sinh THCS và THPT**

- Khối 6 và khối 7 thực hiện theo Thông tư 22/2021/TT-BGD ngày 20/7/2021

- Khối 8 và khối 9 thực hiện theo Thông tư 26/2020/TT-BGD ngày 26/8/2020

## **3. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG**

### **3.1. Mục tiêu chung**

Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, an toàn, hạnh phúc, nền nếp - kỷ cương, đề cao chất lượng giáo dục toàn diện, để mọi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát triển hết tiềm năng, năng lực của mình.

Phát triển 5 phẩm chất chủ yếu, 10 năng lực cốt lõi theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới.

Giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

Duy trì xây dựng trường THCS Đại Thắng là trường đạt chuẩn quốc gia.

Xây dựng cơ sở vật chất khang trang, trang thiết bị đầy đủ, đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển của giáo dục.

### **3.2. Mục tiêu cụ thể**

Thực hiện hiệu quả về đổi mới giáo dục, dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học, học sinh 100% được đánh giá mức đạt trở lên về phẩm chất và năng lực, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào thực tế.

Chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm của học sinh.

Bồi dưỡng, phát triển học sinh năng khiếu, tổ chức các câu lạc bộ để phát huy năng lực của học sinh.

Thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực.

Tăng cường bồi dưỡng đội ngũ, nâng cao kiến thức trình độ chuyên môn, đổi mới sinh hoạt chuyên môn tổ (nhóm).

Tạo không khí làm việc thân thiện, dân chủ; phát huy năng lực, sở trường, khả năng sáng tạo của giáo viên, thực hiện tốt văn hóa công sở.

100% cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nghiêm túc qui định về đạo đức nhà giáo, qui tắc ứng xử trong trường học.

100% cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nghiêm túc việc đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Cụ thể:

- Trường đạt danh hiệu: Tập thể lao động tiên tiến;
- Liên đội: Vững mạnh cấp thành phố;
- 100% giáo viên dự thi GVG cấp trường và 100% đạt danh hiệu Giáo viên dạy giỏi cấp Trường/ 70% giáo viên tham gia dự thi GVG cấp huyện; phần đầu 01- 02 đ/c đạt danh hiệu GVĐG thành phố.
- Phần đầu danh hiệu: 2 Tổ chuyên môn và tổ văn phòng: Tổ lao động tiên tiến;
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 2 – 3 đ/c.
- 100% GV duy trì và thực hiện tốt các nề nếp hoạt động trong nhà trường, có đầy đủ hồ sơ, sổ sách theo quy định;
- Chất lượng về hồ sơ, giờ dạy:
  - + Hồ sơ xếp loại : Tốt: 70 %; Khá: 30 %
  - + Giờ dạy xếp loại: G: 40%; Khá : 55%; TB: 5%.
- Chất lượng hai mặt giáo dục:

### 3.2.1. Đối với học sinh khối 6 và khối 7 (thực hiện CT GDPT 2018):

a) Chỉ tiêu về kết quả rèn luyện

Tổng số HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
189	160	84,7%	25	13,2%	4	2,1%	0	0%

b) Chỉ tiêu về kết quả học tập

Tổng số HS	Giỏi		Khá		Đạt		Chưa đạt	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
189	57	30,1%	75	39,7%	50	26,5%	4	3,7%

### 3.2.2. Đối với học sinh khối 8 và khối 9

a) Chỉ tiêu về Hạnh kiểm

Tổng số HS	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
196	160	81,6%	30	15,3%	6	3,1%	0	0%

b) Chỉ tiêu về Học lực

Tổng số HS	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
196	40	20,4%	90	45,9%	60	30,6%	8	3,1%

- Tỷ lệ chuyển lớp đạt 98 %; chuyển cấp đạt 100%.
- Số học sinh được xét công nhận tốt nghiệp THCS: 100%.
- Thi vào lớp 10 THPT: Phần đầu trường THCS có điểm trung bình cao top 10 toàn Huyện.
- Chất lượng giáo dục học sinh giỏi:

STT	Giải	Văn hóa	Liên ngành, qua mạng	Tổng
1	Cấp huyện	25	30	55
2	Cấp thành phố	2	10	12
3	Cấp quốc gia	0	5	5

- Học sinh có kỹ năng sống cơ bản, giao tiếp văn hóa, tự nguyện tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội. Bồi dưỡng, phát triển học sinh năng khiếu, tổ chức các câu lạc bộ để phát huy năng lực của học sinh.

-Thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực.

- Tăng cường bồi dưỡng đội ngũ, nâng cao kiến thức trình độ chuyên môn, đổi mới sinh hoạt chuyên môn tổ, nhóm.

#### **4. NỘI DUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC**

##### **4.1. Quy định thời gian học.**

Thực hiện theo Quyết định số 2650/QĐ-UBND/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2022 của UBND thành phố Hải Phòng về việc “Ban hành kế hoạch thời gian năm học 2022- 2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thành phố Hải Phòng”

Cụ thể: Tổng thời gian thực học là 35 tuần (học kỳ I: có 18 tuần thực học, học kỳ II: có 17 tuần thực học). Mỗi học kỳ có 1 tuần dạy bù chương trình (sau tuần 18 đối với học kỳ I, sau tuần 35 đối với học kỳ II)

Học kỳ I: từ ngày 6/9/2022 đến trước ngày 15/01/2023.

Học kỳ II: từ ngày 16/1/2023 đến trước ngày 25/5/2023.

Xét công nhận tốt nghiệp Trung học cơ sở trước ngày 30/6/2023.

Kết thúc năm học trước ngày 31/5/2023. Hoàn thành tuyển sinh các lớp đầu cấp học trước ngày 31/7/2023.

##### **4.2. Chương trình giáo dục chính khóa**

### 4.2.1. Đối với khối lớp 6 và khối 7

#### a) Lớp 6

#### Học kỳ I

MÔN/TUẦN		Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Tuần 5	Tuần 6	Tuần 7	Tuần 8	Tuần 9	Tuần 10	Tuần 11	Tuần 12	Tuần 13	Tuần 14	Tuần 15	Tuần 16	Tuần 17	Tuần 18	Tổng thời lượng/môn	
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Tiếng Anh		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
GDCD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Lịch sử và Địa lý	Lịch sử	1	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	27
	Địa lý	2	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	27
Khoa học tự nhiên	Hóa	0	0	0	0	2	4	4	4	4 (Ôn tập, KT, ĐGCK)	4	2	0	0	0	0	0	0	0	0	4 (Ôn tập, KT, ĐGCK)
	Lý	4	4	4	4	2	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Sinh	0	0	0	0	0	0	0	0		0	2	4	4	4	4	4	4	4		
Công nghệ		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Nghệ thuật	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
HĐTN, HN	CC	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	SHL	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	TN CĐ	CĐ1 3t 5/9	0	0	0	0	0	CĐ2 4t 20/10	0	ĐGCK 1t	0	0	CĐ3 4t 24/11	0	0	0	0	CĐ4 4t 22/12	0	ĐGCK 1t	18
GDĐP		0	0	0	CĐ1 4t	0	0	0	CĐ2 4t	ĐGCK	0	0	0	CĐ3 4t	0	0	0	0	CĐ4 4t	ĐGCK 1t	18









MÔN/TUẦN		Tuần 19	Tuần 20	Tuần 21	Tuần 22	Tuần 23	Tuần 24	Tuần 25	Tuần 26	Tuần 27	Tuần 28	Tuần 29	Tuần 30	Tuần 31	Tuần 32	Tuần 33	Tuần 34	Tuần 35	Tổng thời lượng/môn
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Nghệ thuật	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
HĐTN, HN	CC	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
	SHL	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
	TN CĐ	CĐ5 4t 19/1	0	0	0	CĐ6 3t 16/2	0	0	CĐ7 3t 9/3	ĐGGK 1t	0	0	0	0	0	0	0	CĐ8,9 (TN) 5t 25/5 ĐGCK 1t	17
GDĐP		0	0	0	CĐ5 4t	0	0	0	CĐ6 4t	ĐGGK 1t	0	0	CĐ7 3t	0	0	0	CĐ8 4t	ĐGCK 1t	17
<b>Tổng số tiết bắt buộc/ tuần</b>		<b>31</b>	<b>27</b>	<b>31</b>	<b>27</b>	<b>30</b>	<b>27</b>	<b>31</b>	<b>30</b>	<b>29</b>	<b>27</b>	<b>27</b>	<b>30</b>	<b>27</b>	<b>27</b>	<b>27</b>	<b>31</b>	<b>34</b>	<b>493</b>

## 4.2.2 Đối với khối 8, 9

TT	Môn	Số tiết thực hiện các môn của các khối lớp		
		Lớp 8	Lớp 9	Ghi chú
1	Toán	140	140	
2	Ngữ văn	140	175	
3	Vật lí	35	70	
4	Hóa học	70	70	
5	Sinh học	70	70	
6	Lịch sử	53(36+17)	52(18+34)	
7	Địa lí	52(18+34)	53(36+17)	
8	Tiếng Anh	105	105	
9	Công nghệ	53(36+17)	35	
10	GDCD	35	35	
11	Thể dục	70	70	
12	Âm nhạc	35	18	Lớp 9 dạy ở HK1
13	Mĩ thuật	35	18	Lớp 9 dạy ở HK2

### 4.3. Bảng phân công thực hiện các hoạt động giáo dục.

STT	Họ tên	Chuyên môn	Môn dạy	Kiểm nhiệm	Ôn HSG	Tổng số tiết
1	Chu Thị Bình	Văn-Địa	HĐNGLL(9A)(4t) + Ngữ văn(9A,6B)(9t) + Địa lí(K6)(3t) + Địa lí(9A)(2t) + HN(9A)	CN9A	Ngữ văn 9, Địa lí 9	18
2	Nguyễn Văn Công	GDTC	Thể dục(K8,K9)(10t) + GDTC(K6,K7)(10t)	TB TTND	Thể dục	20
3	Phạm Kim Cương	Toán	HĐNGLL(8C)(4t) + Toán(7C,8C)(8t) + Nghề VSDD(8C)(2t)	CN8C		14
4	Khắc Hương Giang	Âm nhạc	Âm nhạc(K8,K9)(5t) + Nghệ thuật(phần âm nhạc)(K6,K7)(5t)	TPT	Âm nhạc	10
5	Phạm Thị Hằng	Văn-GDCD	Ngữ văn(7A,7C,8C)(12t) + GDCD(K9)(2t) + GDCD(K7)(3t)		Ngữ văn 7, GDCD 9	17
6	Vũ Thị Hằng	Công nghệ	HĐTN,HN(6A)(4t) + Công nghệ(K6)(2t) + Công nghệ(K7)(3t) + Công nghệ(K8)(6) + Công nghệ(K9)(2t) + Nghề VSDD(8A)(2t)	CN6A	Công nghệ 8,9	19
7	Phạm Thị Hạnh	Toán-Lý	Toán(6A,9B)(4t) + KHTN(7C)(4t) + Vật lí(K8)(3t) + Vật lí(K9)(4t) + T.Ch.Toán(9B)(1t)		Toán 6, Vật lí 8,9	16
8	Nguyễn Thị Hợp	Mỹ thuật	HĐTN,HN(7C)(4t) + Mỹ thuật(K8)(3t) + Nghệ thuật(phần Mỹ thuật)(K6,K7)(5t) + GDCD(K6)(2t)		Mỹ thuật	14
9	Phạm Việt Lan	Văn-Địa	HĐNGLL(8A)(4t) + Ngữ văn(8A,8B,7B)(12t) + Địa lí(K7)(4,5t)	CN8A	Ngữ văn 8	20.5
10	Vương Thị Phương Lan	GDCD-Sử	Lịch sử(K6,K7)(7,5t) + Lịch sử(K8)(6t) + Lịch sử(K9)(2t) + GDCD(8A)(1t)	CTCĐ	Lịch sử 8,9, GDCD 8	16.5
11	Nguyễn Trần Minh	Tin học	HĐTN,HN(6B)(4t) + Tin học(K6,K7)(5t) + Tiếng Anh(6A,9B)(6t)	CN6B	Tiếng Anh 6	15
12	Lưu Văn Nam	Toán-Lý	T.Ch.Toán(K9)(2t)(mỗi lớp 1 tiết)			2
13	Nguyễn Thị Nhàn	Tiếng Anh	Tiếng Anh(6B,7C,8A,8B)(12t) + GDCD(8B,8C)(2t)		Tiếng Anh 7	14
14	Đào Thị Tuyết Nhung	Toán	HĐTN,HN(7A)(4t) + Toán(7A,7B,8B)(12t) + Nghề VSDD(8B)(2t)	CN7A	Toán 7	18

STT	Họ tên	Chuyên môn	Môn dạy	Kiểm nhiệm	Ôn HSG	Tổng số tiết
15	Trần Văn Ninh	Toán-Hóa	Toán(8A,6B)(8t) + Hóa học(8A)(2t) + Hóa(K9)(4t)		Toán 8, Hóa học 8,9	14
16	Hoàng Thị Thiết	Sinh học	HĐNGLL(8B)(4t) + KHTN(7A)(4t) + Sinh(K8)(6t) + Sinh(K9)(4t)	CN8B	Sinh học 8,9	18
17	Trần Văn Thính	Toán-Lý	Toán(9A)(4t)		Toán 9	4
18	Hoàng Thị Thanh Thủy	Văn-Địa	HĐNGLL(9B)(4t) + Ngữ văn(9B,6A)(9t) + Địa(9B)(2t) + Địa(K8)(3t) + HN(9B)	CN9B	Ngữ văn 6, Địa lí 8	18
19	Trần Thị Thu Thủy	Toán-Hóa	KHTN(6A,6B)(8t) + KHTN(7B)(4t) + Hóa(8B,8C)(4t)	BTCĐ		16
20	Vũ Văn Toàn	Tiếng Anh	HĐTN,HN(7B)(4t) + T.Anh(7A,7B,8C,9A)(12t) + T.Ch.Anh(9A)(1t)	CN7B	Tiếng Anh 7,9	17

**Ghi chú: Môn Giáo dục địa phương khối 6 và khối 7 sẽ phân công giáo viên dạy theo chủ đề và dạy vào buổi chiều**

#### 4.4. Phân bổ số tiết cho các hình thức dạy học của từng môn

##### a) Đối với lớp 6 và lớp 7

Thực hiện dạy theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Lựa chọn dạy học theo bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống. Môn Tiếng Anh dạy học theo bộ sách Global Success, NXB Giáo dục Việt Nam. Môn Giáo dục địa phương dạy học theo sách Tài liệu giáo dục địa phương Hải Phòng.

Mỗi bài dạy là một chủ đề dạy học. Kết hợp dạy trên lớp với dạy trải nghiệm.

TT	Môn học/Hoạt động	Tổng số tiết	Ghi chú
<b>Môn học bắt buộc</b>			
1	Ngữ văn	140	
2	Toán	140	
3	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)	105	
4	Giáo dục công dân	35	
5	Lịch sử và Địa lí	105	
6	Khoa học tự nhiên	140	
7	Công nghệ	35	
8	Tin học	35	
9	Giáo dục thể chất	70	
10	Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	70	
<b>Hoạt động giáo dục bắt buộc</b>			
11	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	105	
<b>Nội dung giáo dục của địa phương</b>			
12	Nội dung giáo dục của địa phương	35	
<b>Tổng số tiết học/năm học</b>		<b>1015</b>	
<b>Số tiết học trung bình/tuần</b>		<b>29</b>	

TT	Môn học	Số tiết lớp 6			Số tiết lớp 7		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
1	Ngữ văn	140	LL:72	LL:68	140	LL:72	LL:68
			CD:0	CD:0		CD:0	CD:0
			TN:	TN:		TN:	TN:
2	Toán	140	LL:62	LL:53	140	LL:62	LL:59
			CD:04	CD:08		CD:06	CD:05
			TN:06	TN:07		TN:04	TN:04
3	Ngoại ngữ 1	105	LL:62	LL:53	140	LL:62	LL:53
			CD:0	CD:0		CD:0	CD:0
			TN:0	TN:0		TN:0	TN:0
4	Giáo dục công dân	35	LL:18	LL:17	35	LL:18	LL:17
			CD:0	CD:0		CD:0	CD:0
			TN:0	TN:0		TN:0	TN:0
5	Khoa học tự nhiên	140	LL:69	LL:54	140	LL:69	LL:64
			CD:03	CD:05		CD:03	CD:02

TT	Môn học	Số tiết lớp 6			Số tiết lớp 7			
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	
			TN:0	TN:09		TN:0	TN:02	
6	Lịch sử và Địa lí	105	LL:50 CD:04 TN:0	LL:51 CD:0 TN:0	140	LL:51 CD:03 TN:0	LL:52 CD:02 TN:0	
7	Công nghệ	35	LL:15 CD:03 TN:0	LL:14 CD:03 TN:0	35	LL:13 CD:03 TN:2	LL:13 CD:02 TN:02	
8	GDTC	70	LL:01 CD:03 TN:0	LL:0 CD:02 TN:0	70	LL:01 CD:03 TN:0	LL:0 CD:02 TN:0	
9	Nghệ thuật	70	LL:03 CD:32 TN:0	LL:04 CD:31 TN:0	70	LL:03 CD:32 TN:0	LL:04 CD:31 TN:0	
10	Tin học	35	LL:17 CD:01 TN:00	LL:16 CD:01 TN:0	35	LL:03 CD:32 TN:0	LL:04 CD:31 TN:0	
12	HĐTN,HN	105	SHDC:18 SHCD:18 SHL:18	SHDC:17 SHCD:17 SHL:17	105	SHDC:18 SHCD:18 SHL:18	SHDC:17 SHCD:17 SHL:17	
13	Nội dung giáo dục của địa phương	35	LL:18 CD:4 TN:	LL:17 CD:4 TN:	35	LL:18 CD:4 TN:	LL:17 CD:4 TN:	
<b>Tổng số tiết học/năm học</b>			<b>1015</b>			<b>1015</b>		
<b>Số tiết học trung bình/tuần</b>			<b>29</b>			<b>29</b>		

## b) Đối với lớp 8 và lớp 9

TT	Môn học	Số tiết lớp 8			Số tiết lớp 9		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
1	Ngữ văn	140	LL:65 CD:06 TN:01	LL:61 CD:06 TN:01	175	LL:83 CD:07 TN:0	LL:77 CD:05 TN:03
2	Toán	140	- LL:72 - CD:01 - TN:	- LL:68 - CD:01 - TN:	140	- LL:72 - CD:02 - TN:	- LL:68 - CD:02 - TN:
3	Ngoại ngữ 1	105	LL:54 CD:0 TN:0	LL:51 CD:0 TN:0	105	LL:54 CD:0 TN:0	LL:51 CD:0 TN:0
4	Giáo dục công dân	35	LL:14 CD:04 TN:0	LL:14 CD:04 TN:0	35	LL:10 CD:06 TN:02	LL:15 CD:0 TN:02
5	Lịch sử	53	LL:30 CD:05 TN:01	LL:13 CD:04 TN:0	52	LL:15 CD:03 TN:0	LL:30 CD:03 TN:01

TT	Môn học	Số tiết lớp 8			Số tiết lớp 9		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
6	Địa lí	52	LL:18	LL:29	52	LL:35	LL:14
			CD:0	CD:03		CD:0	CD:03
			TN:0	TN:02		TN:0	TN:0
7	Vật lí	35	LL:18	LL:17	70	LL:36	LL:34
			CD:0	CD:0		CD:0	CD:0
			TN:0	TN:0		TN:0	TN:0
8	Hóa học	70	LL: 36	LL: 16	70	LL:22	LL:34
			CD: 0	CD: 18		CD:14	CD:0
			TN:0	TN:0		TN:0	TN:0
9	Sinh học	70	LL: 34	LL: 30	70	LL: 32	LL: 26
			CD: 02	CD: 04		CD: 04	CD: 02
			TN: 0	TN: 0		TN: 0	TN: 06
10	Công nghệ	53	LL: 33	LL: 13	35	LL: 14	LL: 15
			CD: 03	CD: 04		CD: 04	CD: 02
			TN: 0	TN: 0		TN: 0	TN: 0
11	Thể dục	70	LL: 36	LL: 34	70	LL: 36	LL: 34
			CD: 0	CD: 0		CD: 0	CD: 0
			TN:0	TN:0		TN:0	TN:0
12	Âm nhạc	35	LL:12	LL:13	18	LL:14	
			CD:04	CD:04		CD:04	
			TN:01	TN:0		TN:01	
13	Mĩ thuật	35	LL:16	LL:15	17		LL:15
			CD:02	CD:02			CD:02
			TN:0	TN:0			TN:0
14	Tự chọn	70	LL:36	LL:34	70	LL:36	LL:34
			CD:	CD:		CD:	CD:
			TN:	TN:		TN:	TN:
12	HĐGDNGLL	70	LL:36	LL:34	70	LL:36	LL:34
			CD:4	CD:4		CD:4	CD:4
			TN:0	TN:0		TN:0	TN:0
<b>Tổng số tiết học/năm học</b>		1033			1034		
<b>Số tiết học trung bình/tuần</b>			30	29		30	30

**c) Chương trình tăng cường/mở rộng**

**Lớp 6 và lớp 7**

TT	Hoạt động	Số tiết lớp 6			Số tiết lớp 7		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
1	<i>Bồi dưỡng học sinh giỏi</i>	140	72	68	140	140	72
2	<i>Phụ đạo học sinh yếu, kém</i>	140	72	68	140	140	72



Số tiết học trung bình/tuần	280	8	8	8	8	8
-----------------------------	-----	---	---	---	---	---

### Lớp 8 và lớp 9

TT	Hoạt động	Số tiết lớp 8			Số tiết lớp 9		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
1	Bồi dưỡng học sinh giỏi	140	72	68	140	72	68
2	Phụ đạo học sinh yếu, kém	140	72	68	140	72	68
Số tiết học trung bình/tuần		8	8	8	8	8	8

## 4.5. Hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ

### a) Hoạt động ngoại khóa:

Hoạt động trải nghiệm được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau như hoạt động: Tổ chức trò chơi, diễn đàn, tham quan dã ngoại, các hội thi, hoạt động giao lưu, hoạt động nhân đạo, hoạt động tình nguyện, hoạt động cộng đồng, sinh hoạt tập thể, lao động công ích, thể dục thể thao, tổ chức các ngày hội,

Giáo dục thông qua các sinh hoạt tập thể lớp, trường và các sinh hoạt theo chủ đề:

+ Sinh hoạt tập thể toàn trường gồm: chào cờ đầu tuần, mít tinh trong các ngày lễ, các ngày kỉ niệm, các hội thi, cắm trại, các cuộc giao lưu tập thể, các phong trào thi đua toàn trường vv...

+ Sinh hoạt tập thể lớp: sinh hoạt lớp theo chủ đề (theo chương trình nhà trường) sinh hoạt lớp hàng tuần, các hoạt động chung của tập thể lớp (tham quan, thi đua học tập giữa các tổ học sinh...).

Giáo dục thông qua các hoạt động đoàn thể và hoạt động chính trị – xã hội: Các hoạt động Đoàn, Đội (theo Chương trình hoạt động của Đội TNTP, Đoàn TNCS): các phong trào của Đội Các hoạt động tập thể có tính chính trị xã hội: Phong trào “Đền ơn, đáp nghĩa”, Các hoạt động nhân đạo, tìm hiểu về Đảng, Đoàn...

Giáo dục thông qua các hoạt động văn hoá thể thao và vui chơi: Các hội thao, hội thi (Hội khoẻ Phù Đổng), các cuộc thi văn hoá văn nghệ của học sinh.

Tăng cường lòng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; giáo dục pháp luật, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, giáo dục phòng chống các tệ nạn xã hội, ma túy, bảo vệ môi trường; giáo dục an toàn giao thông... thông qua các hoạt động trải nghiệm trong nhà trường .

Tổ chức tốt việc cho học sinh trải nghiệm ngay trong nhà trường và tại địa phương, học sinh có bài thu hoạch sau khi được trải nghiệm.

+ Lớp 6 và lớp 7: Mỗi tuần thực hiện 3 tiết theo khung Kế hoạch giáo dục. Tổng cộng 105 tiết/ năm học (có kế hoạch kèm theo). **Trong năm học Ban giám hiệu sẽ xây dựng kế hoạch để học sinh được đi trải nghiệm ở các khu di tích lịch sử trong và ngoài thành phố vào thời điểm phù hợp.**

+ Lớp 8 và lớp 9: Mỗi tuần thực hiện 01 tiết chào cờ vào sáng thứ hai hàng tuần và một tiết sinh hoạt HĐNGLL tổng cộng 70 tiết; ngoài ra dự kiến các hoạt động lồng ghép cụ thể:

Tháng 9: Chủ đề “An toàn giao thông và phòng chống ma túy học đường. Hình thức tổ chức: Sân khấu hóa, phối hợp với công an xã tổ chức tuyên truyền luật giao thông đường bộ.

Tháng 11: Chủ đề: Trường em sạch đẹp, an toàn”. Hình thức tổ chức: Tổ chức ngày hội vệ sinh học đường,

Tháng 12: Chủ đề “Uông nước nhớ nguồn”. Hình thức tổ chức: Học sinh viếng nghĩa trang liệt sĩ, nghe đại diện hội cựu chiến binh nói chuyện về truyền thống ngày quốc phòng toàn dân, nghe một số mẫu chuyện về cuộc kháng chiến chống mỹ cứu nước.

Tháng 1/2021: Chủ đề: Giáo dục pháp luật. Hình thức tổ chức: Học sinh tham gia học tập trải nghiệm tại trại cai nghiện và dự chuyên đề tuyên truyền pháp luật tại trường.

Tháng 2/2021: Chủ đề: Giáo dục pháp luật. Hình thức tổ chức: Học sinh tham gia học tập trải nghiệm tại trại cai nghiện và dự chuyên đề tuyên truyền pháp luật tại trường.

Tháng 4: Chủ đề “Ngày hội đọc sách”. Hình thức tổ chức: Thi kể chuyện theo sách, thi xếp sách theo mô hình.

Tháng 5: 01 buổi hướng nghiệp phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS.

Số tiết còn lại nhà trường tổ chức dạy học trải nghiệm theo chủ đề (HD trải nghiệm tập trung theo khối gắn với việc dạy học chủ đề thăm quan di tích tại địa phương, một số địa chỉ đỏ tại huyện...)

#### **b) Câu lạc bộ:**

Thành lập các câu lạc bộ môn học

Thành lập các câu lạc bộ năng khiếu: thể dục; âm nhạc; mỹ thuật...

#### **c) Tổ chức thực hiện.**

BGH nhà trường xây dựng kế hoạch phối hợp Ban ĐDCMHS về tổ chức hoạt động trải nghiệm cho tất cả học sinh toàn trường theo kế hoạch thời gian năm học của trường.

Phân công PHT phụ trách hoạt động phong trào phối hợp với TPT của trường xây dựng kế hoạch cụ thể về hoạt động trải nghiệm, trình BGH và BĐDCMHS trường phê duyệt kế hoạch thực hiện.

Giao nhiệm vụ cho GVCN các khối lớp phối hợp với Ban ĐDCMHS lớp, GVBM thực hiện các hoạt động trải nghiệm.

#### **4.6. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn**

Trong năm học, Ban giám hiệu chỉ đạo các tổ chuyên môn thực hiện ít nhất 04 chuyên đề sinh hoạt chuyên môn cấp huyện (mỗi tổ thực hiện 2 chuyên đề); 02 chuyên đề sinh hoạt chuyên sâu; tham gia 02 chuyên đề cụm, 01 chuyên đề môn tiếng Anh cụm chuyên môn tiếng Anh.

Tổ chức thi giáo viên giỏi cấp hoàn thành trong tháng 10/2022; có giáo viên tham gia thi giáo viên giỏi cấp huyện, cấp. thành phố.

## 5. KHUNG THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀY

### Buổi sáng:

Khối 6, 7, 8, 9 học chính khóa. Vào lớp truy bài đầu giờ từ 6 giờ 45 phút. Học tiết 1 từ 7 giờ.

Thời gian mỗi tiết 45 phút, ra chơi 5 phút. Sau tiết 2 tập Thể dục giữa giờ 10 phút nếu hết dịch Covid 19.

Hoạt động	Thời gian
Truy bài đầu giờ	Từ 6 giờ 45 phút đến 7 giờ 00 phút
Tiết 1	Từ 7 giờ 00 phút đến 7 giờ 45 phút
Tiết 2	Từ 7 giờ 50 phút đến 8 giờ 35 phút
Thể dục giữa giờ	Từ 8 giờ 35 phút đến 8 giờ 45 phút
Tiết 3	Từ 8 giờ 45 phút đến 9 giờ 30 phút
Tiết 4	Từ 9 giờ 35 phút đến 10 giờ 20 phút
Tiết 5	Từ 10 giờ 35 phút đến 11 giờ 10 phút

### Buổi chiều:

Học bồi dưỡng, ôn tập, giáo dục địa phương, sinh hoạt chuyên môn

Hoạt động	Thời gian
Tiết 1 + tiết 2	Từ 13 giờ 45 phút đến 15 giờ 15 phút
Giải lao	Từ 15 giờ 15 phút đến 15 giờ 30 phút
Tiết 3 + tiết 4	Từ 15 giờ 30 phút đến 17 giờ 00 phút

## 6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

### 6.1. Trách nhiệm của các thành viên:

#### 6.1.1. Đối với Hiệu trưởng

Xây dựng dự thảo kế hoạch, tổ chức lấy ý kiến của các thành viên trong nhà trường để hoàn thiện kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch dạy học, kế hoạch giáo dục trong nhà trường, kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch.

Liên hệ với các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan để tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện công tác kiểm tra nội bộ trường học

Tổ chức các hoạt động hội thi, hội giảng trong năm học.

Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường;

Ra các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.

Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục.

#### 6.1.2. Đối với Phó hiệu trưởng

Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh nhận thức chậm và các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường trung học.

Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

- Hàng tháng họp thống nhất các nội dung chuyên môn với các tổ.

Duyệt tất cả các hoạt động tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các cuộc Hội thảo, trải nghiệm bộ môn, trải nghiệm hướng nghiệp, chuyên đề cấp trường, cấp tổ tổ chức trong năm học.

### **6.1.3. Tổ trưởng tổ chuyên môn**

Chủ trì xây dựng kế hoạch hoạt động năm học của tổ chuyên môn.

Tổ chức cho các nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch dạy học bộ môn, kí duyệt kế hoạch dạy học bộ môn của giáo viên và trình BGH nhà trường phê duyệt.

Chủ trì xây dựng kế hoạch dạy học tích hợp liên môn, kế hoạch dạy học trải nghiệm theo môn học, dạy học chủ đề.

Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn 2 lần/tháng. Chú trọng việc đổi mới phương pháp, hình thức dạy học; đổi mới kiểm tra đánh giá. Tập trung vào việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

Trong năm học, mỗi tổ chuyên môn xây dựng 2 chuyên đề sinh hoạt chuyên môn cấp huyện, 1 chuyên đề sinh hoạt chuyên môn cấp cụm và 1 chuyên đề chuyên sâu cấp trường.

### **6.1.4. Đối với Tổng phụ trách Đội**

Tham mưu cho ban giám hiệu nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

Xây dựng kế hoạch chào cờ đầu tuần, tham mưu cho hiệu trưởng về việc phân công các thành viên tham gia chuẩn bị nội dung chào cờ.

Tổ chức tất cả các hoạt động ngoài giờ lên lớp tổ chức tại nhà trường.

Thành lập các ban của liên đội để thúc đẩy mọi hoạt động của nhà trường.

Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.

### **6.1.5. Đối với nhân viên kiêm Thư viện – Thiết bị**

Tham mưu cho hiệu trưởng về kế hoạch trang bị sách giáo khoa, tài liệu tham khảo và các thiết bị dạy học phục vụ việc giảng dạy theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Quản lý mọi hoạt động của thư viện, thiết bị.

Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học.

Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.

Tổ chức Ngày hội đọc sách.

### 6.1.6. Đối với giáo viên

Nghiên cứu kỹ chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 và xây dựng kế hoạch giảng dạy bộ môn;

Xây dựng kế hoạch bài học phù hợp với phẩm chất, năng lực của học sinh.

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo môn học (Giáo viên phải xây dựng kế hoạch ngay từ đầu năm học).

Kết hợp với nhà trường, liên đội tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường.

### 6.2. Công tác phối hợp với các bên liên quan

Nhà trường chủ động tham mưu cho chính quyền địa phương tạo mọi điều kiện tốt nhất để các hoạt động giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả cao nhất.

Phối hợp với hội phụ huynh học sinh, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn, các tổ chức chính trị, đoàn thể để tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.

### 6.3. Công tác kiểm tra, giám sát

Việc giám sát đánh giá và điều chỉnh kế hoạch dạy học, giáo dục được thực hiện thường xuyên trong suốt năm học kết hợp với hoạt động tự đánh giá trong quản lý quản lý chất lượng trường Trung học cơ sở.

Hiệu trưởng thực hiện hoạt động giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục thường xuyên hàng ngày, hàng tuần thông qua kiểm tra sổ đầu bài, dự giờ thăm lớp, kiểm tra hồ sơ chuyên môn của giáo viên, qua học sinh, cha mẹ học sinh...

Làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, các thành viên trong ban kiểm tra nội bộ cần làm tốt nhiệm vụ.

Mỗi giáo viên cần có thói quen tự kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của mình để có điều chỉnh và phản ánh kịp thời với tổ chuyên môn, ban giám hiệu.

### 6.4. Chế độ thông tin, báo cáo

Tổ trưởng chuyên môn định kỳ báo cáo hiệu trưởng về tình hình của tổ, có các ý kiến tham mưu đề xuất kịp thời về các công việc có liên quan đến thực hiện đổi mới hoạt động dạy học trong nhà trường.

Định kỳ báo cáo theo tuần, tháng, học kỳ để Hiệu trưởng tổng hợp báo cáo cấp trên kịp thời.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2022 – 2023 của trường THCS Đại Thắng. Hiệu trưởng yêu cầu các bộ phận triển khai thực hiện nghiêm túc. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần báo cáo kịp thời với Ban giám hiệu để được giải quyết./.

#### Nơi nhận:

Phòng GD&ĐT (để b/cáo);

Tổ CM (để t/hiện);

Lưu VT.

#### HIỆU TRƯỞNG



Lưu Văn Nam

**PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG**